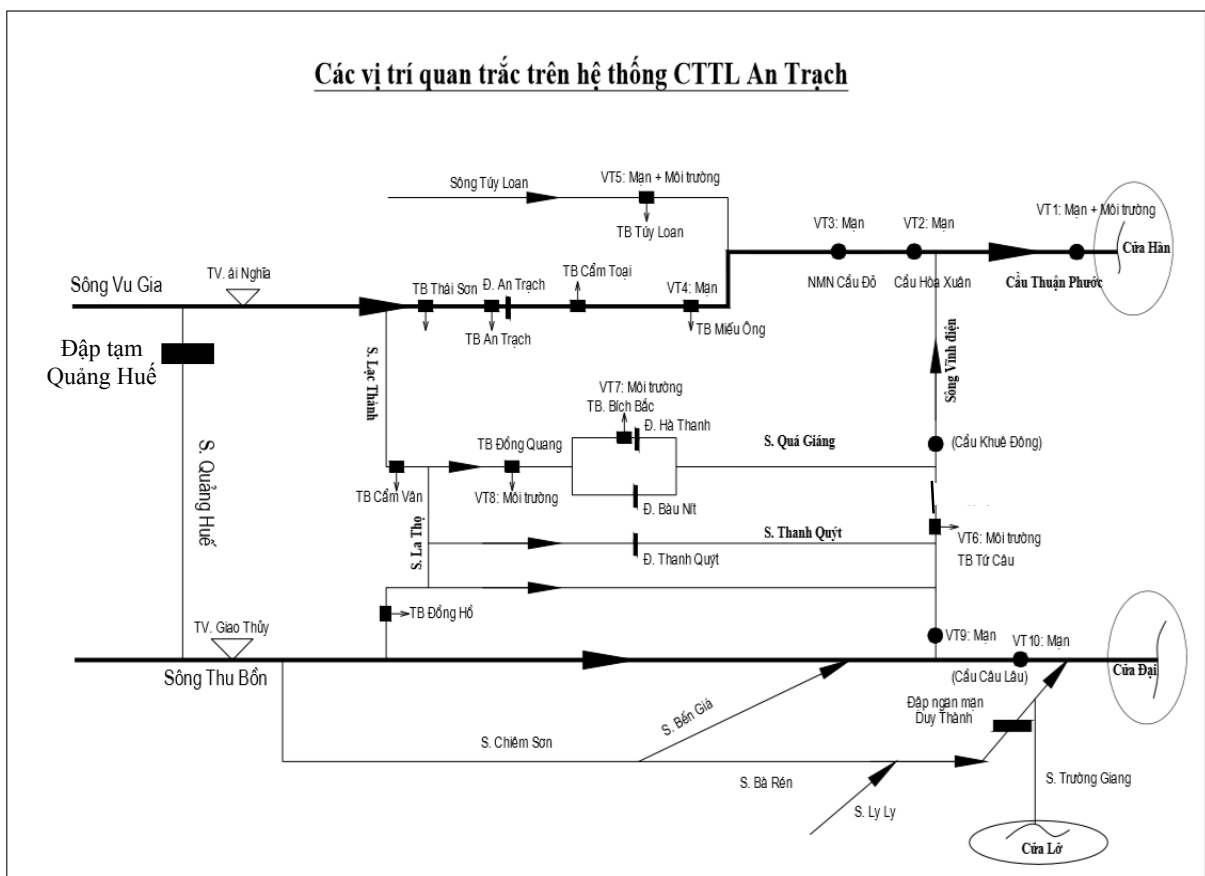


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6/2024



Hệ thống thủy lợi An Trạch

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024*”

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6/2024

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN**

PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn

CÁN BỘ THỰC HIỆN

ThS. Đặng Thị Nga

ThS. Nguyễn Ngọc Vinh

ThS. Đoàn Tiến Đạt

ThS. Lê Thị Sương

KS. Nguyễn Văn Thiên Thủy

KS. Nguyễn Thị Nga

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024 được Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2024, có 28 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 10 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả dự báo chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả dự báo chất lượng nước tháng 6 gồm các nội dung: Kết quả độ mặn, kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI tại các vị trí trong tháng 05/2024; kết quả dự báo diễn biến xâm nhập mặn, diễn biến chất lượng nước trong tháng 6/2024 cùng với những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6/2024

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024.

2. Giới thiệu chung về hệ thống thủy lợi An Trạch

Hệ thống thủy lợi An Trạch là hệ thống thủy lợi liên tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm bốn đập dâng (An Trạch trên sông Yên, Bàu Nít trên sông Bàu Sấu, Hà Thanh trên sông Quá Giáng và Thanh Quýt trên sông La Thọ) và 10 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 9.700ha đất của 2 tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và cấp nước sinh hoạt với lưu lượng 350.000m³/ngày đêm (sau năm 2010).

3. Ngày quan trắc: 01/05-30/05/2024.

4. Ngày cung cấp thông tin: 30/05/2024.

5. Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

- PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn (Chủ nhiệm)
- ThS. Đặng Thị Nga
- ThS. Nguyễn Ngọc Vinh
- ThS. Đoàn Tiến Đạt
- ThS. Lê Thị Sương
- KS. Nguyễn Thị Nga
- KS. Nguyễn Văn Thiên Thủy

6. Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên.

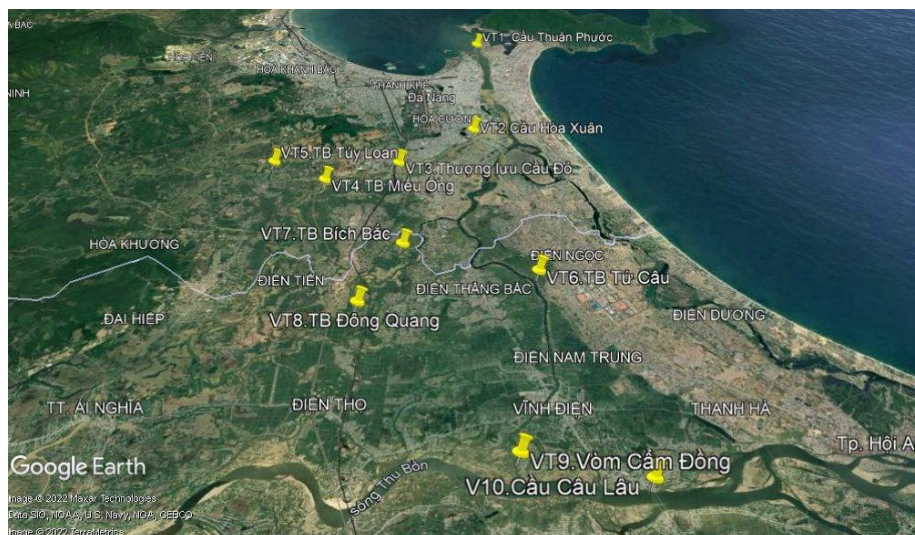
7. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

8. Vị trí lấy mẫu: 10 vị trí

Bảng 1. Vị trí các trạm đo và lý do lựa chọn vị trí đo năm 2024

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
1	VT1	Cầu Thuận Phước	- Quan trắc độ mặn để làm biên dưới cho mô hình - Quan trắc chất lượng nước trước khi đổ ra biển (biên dưới).
2	VT2	Cầu Hòa Xuân	- Quan trắc độ mặn trên sông Cẩm Lệ.
3	VT3	Thượng lưu NMN Cầu Đỏ	- Quan trắc độ mặn trước nhà máy nước Cầu Đỏ.
4	VT4	Trạm bơm Miếu Ông trên sông Yên (hạ du đập dâng An Trạch)	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới
5	VT5	Trạm bơm Túy Loan trên sông Túy Loan	- Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới. - Quan trắc chất lượng nước trên nhánh sông Túy Loan.
6	VT6	Trạm bơm Tứ Cầu (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc chất lượng nước ở cửa ra kênh xả của khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc
7	VT7	Trạm bơm Bích Bắc (thượng lưu đập dâng Hà Thanh)	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Bích Bắc, tưới cho 1.625ha
8	VT8	Trạm bơm Đông Quang	- Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Đông Quang, tưới cho 2.410ha

TT	Ký hiệu	Địa điểm	Mục đích quan trắc
9	VT9	Vòm Cắm Đòng (sông Vĩnh Điện)	- Quan trắc và dự báo độ mặn sông Vĩnh Điện để phục vụ trạm bơm tưới.
10	VT10	Cầu Câu Lâu (sông Thu Bồn)	- Quan trắc và dự báo độ mặn trên sông Thu Bồn



Hình 1. Vị trí các điểm quan trắc trong hệ thống thủy lợi An Trạch

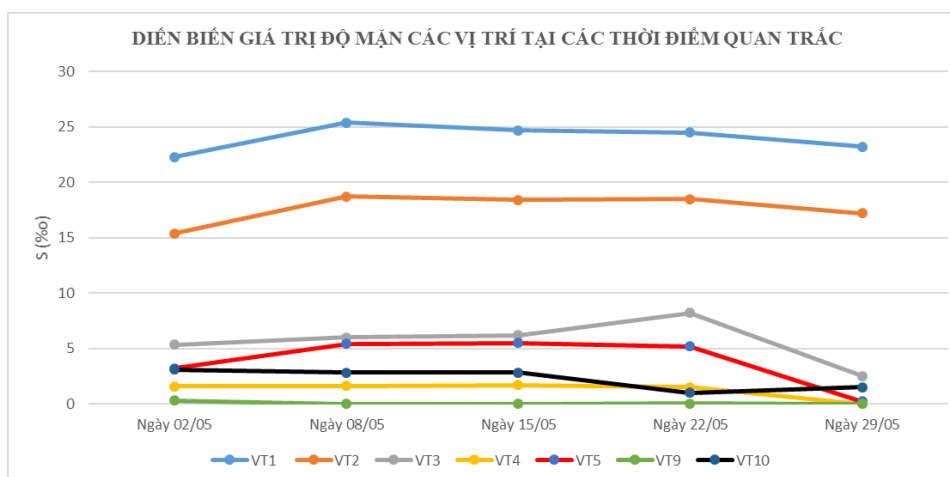
9. Thông tin lúc lấy mẫu: Trời nắng.

I/ KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1.1. Kết quả đo độ mặn (VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT6, VT9, VT10)

Bảng 2. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày

TT	Độ mặn (%)						
	VT1	VT2	VT3	VT4	VT5	VT9	VT10
Ngày 02/05	22,3	15,4	5,34	1,58	3,2	0,3	3,1
Ngày 08/05	25,4	18,7	6,0	1,6	5,4	0	2,8
Ngày 15/05	24,7	18,4	6,2	1,7	5,5	0	2,8
Ngày 22/05	24,5	18,5	8,2	1,5	5,2	0,01	1,0
Ngày 29/05	23,2	17,2	2,5	0,0	0,2	0,0	1,5



Hình 2. Diễn biến giá trị độ mặn các vị trí tại các thời điểm quan trắc

1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước (VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 02 tháng 05 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-02-05	VT5-02-05	VT6-02-05	VT7-02-05	VT8-02-05		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,7	7,5	7,8	7,4	7,3	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	42,1	13,6	12,9	10,1	13,8		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,1	5,5	5,9	5,4	5,6	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	5789	76,7	112	30,1	27,6	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	18,8	31,2	26,5	10,5	11,2	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,6	4,4	5	4,4	4,7	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	7	6,5	10	7	6,9	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,645	5,234	5,469	5,1	5,165	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,478	0,56	0,566	0,538	0,526	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,212	0,224	0,256	0,238	0,229	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,022	0,016	0,031	0,019	0,02	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	570	890	840	450	440	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	27,9	30,1	31,9	32,4	32,8		
14	Độ đục		NTU	12,56	20,13	68,5	20,67	14,34		
WQI				90	90	90	90	90		

Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 08 tháng 05 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-08-05	VT5-08-05	VT6-08-05	VT7-08-05	VT8-08-05		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,9	7,45	7,6	7,9	7,4	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	52,7	15,3	19,1	7,5	8,2		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	4,4	5,1	5,9	5,5	5,3	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	5434	32,6	56,8	15,7	16,2	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	20,5	16,4	19,6	13,8	15,1	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,7	4,6	5,4	4,8	4,5	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	9	7	10	6	7	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,386	5,028	5,352	5,012	5,017	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,432	0,427	0,532	0,513	0,506	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,206	0,223	0,228	0,215	0,209	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,044	0,023	0,034	0,018	0,013	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	610	840	920	510	620	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	28,7	32	33,1	31	30,8		
14	Độ đục		NTU	8,93	10,26	19,52	20,37	34,9		
WQI				90	90	90	90	90		

Bảng 5. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 15 tháng 05 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-15-05	VT5-15-05	VT6-15-05	VT7-15-05	VT8-15-05		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,01	7,45	7,6	7,9	7,4	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	68,2	32,6	45	12,2	9,4		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	4,5	5,3	4,7	5,5	5,3	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	43179	27,4	49,6	12,6	18,1	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	12,7	23,7	15,2	32,5	26,8	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,1	4,4	5	4,6	4,3	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	7	8	9	7	8	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,638	5,137	5,421	5,134	5,106	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,426	0,474	0,549	0,523	0,513	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,219	0,220	0,223	0,211	0,215	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,029	0,039	0,021	0,012	0,028	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	580	810	860	640	680	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	30,8	31,2	32,3	31,2	30,3		
14	Độ đục		NTU	13,74	5,1	26,07	18,05	18,66		
WQI				90	90	89	90	90		

Bảng 6. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 22 tháng 05 năm 2024 (trung bình ngày)

TT No	Tên chỉ tiêu (Test properties)	Phương pháp thử (Test methods)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả thử nghiệm (Test results)					Cột B ₁ QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Bảng 2, mức phân loại CLN (B) QCVN 08-MT:2023/BTNMT
				VT1-22-05	VT5-22-05	VT6-22-05	VT7-22-05	VT8-22-05		
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,5	7,3	7,4	7,4	7,7	5,5-9	6,0-8,5
2	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	mS/cm	42,8	10,5	0,53	6,5	10,7		
3	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2004	mg/L	5,1	4,5	4,6	4,4	5,1	≥4	≥5
4	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	13369	2826	109	52,5	41,7	350	
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	10,5	15,8	23,4	28,4	30,5	50	≤100
6	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	4,3	4,5	5	4,2	4,8	15	≤6
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	mg/L	6	7	8	6	8	30	≤15
8	Nitrat NO ₃ ⁻ -N	US EPA Method 352.1	mg/L	4,542	4,791	5,219	4,589	4,721	10	
9	Amoni NH ₄ ⁺ -N	SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012	mg/L	0,532	0,525	0,532	0,483	0,496	0,9	
10	Photphat PO ₄ ³⁻ -P	TCVN 6202:2008	mg/L	0,217	0,219	0,228	0,192	0,205	0,3	≤0,3
11	Nitrit NO ₂ ⁻ -N	TCVN 6178:1996	mg/L	0,018	0,03	0,033	0,024	0,031	0,05	
12	Tổng Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/100 mL	460	740	820	580	720	7500	≤5000
13	Nhiệt độ		°C	29,4	30,9	30,7	30,2	30,1		
14	Độ đục		NTU	3,06	27,7	51	36,5	48,9		
WQI				90	89	89	90	90		

Ghi chú:

- QCVN08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2015.
- + Cột B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự (Vị trí áp dụng: VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)
- QCVN08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt năm 2023.
- + Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.
- + Mức phân loại chất lượng nước (loại B): Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI

Bảng 8. Kết quả tính toán chỉ số WQI tại các vị trí

TT	VT lấy mẫu		WQI				Xếp loại			
			02/05	08/05	15/05	25/05	02/05	08/05	15/05	25/05
1	VT1	Cầu Thuận Phước	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	VT5	TB Túy Loan	90	90	90	89	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
3	VT6	TB Tứ Câu	90	90	89	89	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
4	VT7	TB Bích Bắc	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
5	VT8	TB Đông Quang	90	90	90	90	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Theo số liệu quan trắc độ mặn và chất lượng nước tại các vị trí trên hệ thống trong tháng 05/2024, nhận thấy:

3.1. Về độ mặn

Trong tháng 5 vừa qua, nắng nóng diễn ra gây gắt khiến cho tình trạng khô hạn tại khu vực nghiên cứu diễn biến phức tạp, đến giữa tháng 5 (khoảng từ ngày 16/5) mưa xuất hiện nhiều hơn so với đầu tháng. Ngoài ra, một số thời điểm các NMTĐ đã vận hành xả nước về hạ du với lưu lượng ít hơn so với quy định tại QTVH 1865/2019/QĐ-TTg khiến cho mực nước sông tại một số trạm bơm trong khu vực nghiên cứu đạt thấp hơn và độ mặn tại các vị trí quan trắc có xu hướng cao hơn so với tháng 4, cụ thể:

- Tại Tỉnh Quảng Nam: từ ngày 01/05-30/05/2024, mực nước quan trắc tại đập dâng Bàu Nít dao động từ 1,55 - 2,5m; tại đập dâng Thanh Quýt mực nước dao động từ 0,35-2,05m; đặc biệt tại một số thời điểm quan trắc, mực nước tại các đập đạt thấp hơn so với mực nước quy

định, cụ thể: tại đập dâng Thanh Quýt từ ngày 01/05-04/05 mực nước dao động từ 0,35-1,25m, từ ngày 17/05-22/05 mực nước dao động từ 0,95-1,55m, thấp hơn rất nhiều so với mực nước quy định để đảm bảo hoạt động cho các trạm bơm trên hệ thống. Tại trạm thủy văn Ái Nghĩa, mực nước dao động từ 1,69-2,79m. Trong tháng 5 vừa qua, các trạm bơm Cẩm Sa, Thanh Quýt không xảy ra nhiễm mặn, tại trạm bơm Tứ Câu giá trị độ mặn lớn nhất đạt dao động từ 0,1-0,3‰; tại vị trí cầu Cầu Lâu cũ giá trị độ mặn lớn nhất đạt dao động từ 0,4-3,7‰.

- Tại thành phố Đà Nẵng: Độ mặn tại các vị trí VT1- Cầu Thuận Phước, VT2- Cầu Hòa Xuân, VT3- vị trí thượng lưu Nhà máy nước Cầu Đỏ, VT4- TB Miếu Ông và VT5-TB Túy Loan có xu hướng tăng cao hơn so với tháng 4. Riêng tại vị trí thượng lưu nhà máy nước Cầu Đỏ, số liệu độ mặn trong tháng 5 vừa qua cho thấy *độ mặn quan trắc tại vị trí này vẫn tiếp tục ở mức cao, phần lớn đều vượt giới hạn cho phép cấp nước sinh hoạt*, giá trị độ mặn dao động từ 0,095-11,192‰ (95mg/L-11.192mg/L). Đặc biệt trong những ngày giữa tháng tháng 5, mặc dù trên địa bàn thành phố có mưa, các NMTĐ đã xả nước với lưu lượng nhiều hơn so tháng 4 nhưng độ mặn tại trên sông Cẩm Lệ tại cửa thu nước thô vào nhà máy nước Cầu Đỏ vẫn tăng cao, nhiều giờ trong ngày và trong nhiều ngày độ mặn duy trì từ mức lớn hơn 3‰, thậm chí có khi vượt quá 11‰, ví dụ như: từ 07h -15h ngày 09/05 độ mặn dao động từ 4,235‰ –9,275‰; từ 04h-16h ngày 10/5 độ mặn dao động từ 3,220‰ –9,368‰; từ 01h-16h ngày 11/05 độ mặn dao động từ 3,419‰ – 8,186‰; từ 01h-14h ngày 12/05 độ mặn dao động từ 3,087‰ – 6,156‰; từ 01h-04h, 07h-11, 13h-15h ngày 13/05 độ mặn dao động từ 3,250‰-6,810‰; từ 01h-11h, 13h-17h ngày 14/05 độ mặn dao động từ 3,033‰ – 8,889‰; từ 04h-11h, 14h-17h ngày 15/05 độ mặn dao động từ 3,315‰ - 8,913‰; từ 03h-05h, 07h-11h ngày 16/05 độ mặn dao động từ 3,063‰-9,815‰; từ 05h-11h ngày 18/5 độ mặn dao động từ 3,326‰-9,153‰; từ 03h-11h, 13h-21h ngày 19/05 độ mặn dao động từ 3,239‰-10,488‰; từ 06h-11h; 16h-22h ngày 20/05 độ mặn dao động từ 3,011‰-11,192‰; từ 01h-11h, 13h-18h, 20h-24h ngày 21/05 độ mặn dao động từ 3,046‰-10,233‰; từ 05h-12h ngày 22/05 độ mặn dao động từ 3,009‰-8,241‰; từ 01h-04h, 07h-11h ngày 23/05 độ mặn dao động từ 3,250‰-5,953‰;... *Độ mặn lớn nhất quan trắc được trong tháng 5 tại vị trí thượng lưu NMN Cầu Đỏ là 11,192‰, vào lúc 09h ngày 20/5, vượt quá ngưỡng cho phép 43,76 lần*, đây cũng là độ mặn cao nhất từ đầu năm 2024 đến nay, gây ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nước cấp cho sinh hoạt. Trước tình hình độ mặn tại vị trí cửa thu của nhà máy nước Cầu Đỏ thường xuyên vượt ngưỡng 1‰ (1.000 mg/L), Công ty CP cấp nước Đà Nẵng một số thời điểm đã không sử dụng trực tiếp nguồn nước trên sông Cẩm Lệ, chuyển qua khai thác hoàn toàn nguồn nước sông Yên tại thượng lưu đập dâng An Trạch thông qua việc vận hành 2 trạm bơm phòng mặn để bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho TP.Đà Nẵng.

Kết quả quan trắc độ mặn tại các vị trí trên hệ thống trong từ ngày 01/5/2024 – 30/5/2024 như sau:

- Tại VT1-Cầu Thuận Phước: độ mặn dao động từ 22,3-25,4‰, độ mặn đạt giá trị cao nhất là 25,4‰ vào lúc 07h20' ngày 08/05/2024.

- Tại VT2-Cầu Hòa Xuân: độ mặn dao động từ 15,4-18,7‰, độ mặn đạt giá trị cao nhất là 18,7‰ vào lúc 07h56' ngày 08/05/2024.

- Tại VT3- thượng lưu NMN Cầu Đỏ: độ mặn quan trắc dao động từ 2,5-8,2‰, vượt 9 – 30,8 lần so với giới hạn cho phép của cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

- Tại VT4-TB Miếu Ông: độ mặn dao động từ 0,0-1,7‰, có 4/5 đợt quan trắc cho thấy độ mặn tại vị trí này đã vượt ngưỡng giới hạn cho phép cấp nước cho cây lúa với mức vượt dao động từ 0,5-0,7 lần.

- Tại VT5-TB Túy Loan: độ mặn dao động từ 0,3-5,5‰, có 4/5 đợt quan trắc cho thấy độ mặn tại vị trí này đã vượt ngưỡng giới hạn cho phép cấp nước cho cây lúa với mức vượt dao động từ 2,2-4,5 lần.

- Tại VT6-TB Tứ Cầu: Mặc dù đã hoàn thiện đập tạm ngăn mặn vào ngày 06/3 nhưng tại các thời điểm quan trắc trong tháng 5, nguồn nước tại trạm bơm vẫn có dấu hiệu bị mặn, giá trị độ mặn dao động từ 0,1-0,3‰.

- Tại VT9-Vòm Cầm Đồng: Có 2/5 đợt quan trắc (ngày 02/05/2024 và ngày 22/05/2024) nguồn nước có dấu hiệu bị nhiễm mặn, giá trị độ mặn dao động từ 0,0-0,3‰, độ mặn đạt giá trị cao nhất là 0,3‰ vào lúc 13h16' ngày 02/05/2024.

- Tại VT10-Cầu Cầu Lâu: Nguồn nước có dấu hiệu bị nhiễm mặn trong cả 5 đợt quan trắc, giá trị độ mặn dao động từ 1,0-3,1‰, độ mặn đạt giá trị cao nhất là 3,1‰ vào lúc 13h40' ngày 02/05/2024.

3.2. Về chất lượng nước

- Sau khi so sánh với *mức độ phân loại chất lượng nước (loại B) được quy định tại Bảng 2 trong QCVN08-MT:2023/BTNMT và cột B1 trong QCVN08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt*, kết quả phân tích chất lượng nước cho thấy phần lớn hàm lượng của các chỉ tiêu tại các vị trí quan trắc trong tháng 05 nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên vẫn có một số thời điểm chỉ tiêu DO tại các vị trí (VT1, VT5, VT6, VT7) có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5 \text{mg/L}$) và chỉ tiêu $\text{NO}_2^- \text{-N}$ tại VT1 có hàm lượng đạt gần bằng giới hạn cho phép, cụ thể:

- Tại VT1-Chân Cầu Thuận Phước: Chỉ tiêu DO có hàm lượng dao động từ 4,4-4,5mg/L, đạt thấp hơn giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5 \text{mg/L}$) trong 2 đợt quan trắc 05/05/2024 và ngày 15/05/2024; Chỉ tiêu $\text{NO}_2^- \text{-N}$ có hàm lượng đạt 0,044 mg/l (vào ngày 08/05/2024), đạt gần bằng giới hạn cho phép của QCVN08-MT:2023/BTNMT.

+ Tại VT6-TB Tứ Cầu: Chỉ tiêu DO có hàm lượng dao động từ 4,6-4,7mg/L, đạt thấp hơn giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5 \text{mg/L}$) trong 2 đợt quan trắc 15/05/2024 và ngày 22/05/2024.

+ Tại VT5-TB Túy Loan: Chỉ tiêu DO có hàm lượng đạt 4,5 mg/L (vào ngày 22/05/2024), thấp hơn giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5 \text{mg/L}$)

+ Tại VT7-TB Đông Quang: Chỉ tiêu DO có hàm lượng đạt 4,4 mg/L (vào ngày 22/05/2024), thấp hơn giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5 \text{mg/L}$).

- **Về kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI:** qua các đợt quan trắc cho thấy chất lượng nước ở 5 vị trí gồm: cầu Thuận Phước, trạm bơm Túy Loan, trạm bơm Bích Bắc, trạm bơm Đông Quang và trạm bơm Tứ Cầu đều đạt mức Tốt (WQI dao động từ 89-90). Theo quy định tại Quyết định số 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường thì chất lượng nước các vị trí quan trắc đảm bảo cho mục đích tưới tiêu cũng như các mục đích tương tự khác.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÁNG 6/2024

1. Thông tin chung

a. Nhận định xu thế thời tiết

Trong tháng 6, dự báo thời tiết tại khu vực nghiên cứu chủ yếu ngày nắng nóng, có ngày nắng nóng gay gắt, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; riêng những ngày áp thấp phía tây và rãnh áp thấp bị nén mạnh, hội tụ gió tây trên cao chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác, có nơi đạt mưa vừa, mưa to. Tổng lượng mưa dự báo tại các trạm đo mưa dao động từ 94,4-286,1mm tại tỉnh Quảng Nam và từ 83,2-135,5mm tại thành phố Đà Nẵng.

Tổng lượng mưa trong 10 ngày đầu tháng (01-10/6) dao động từ 38,1-191,1mm tại Quảng Nam và từ 34,8-76,9mm tại Đà Nẵng.

Tổng lượng mưa trong 10 ngày giữa tháng (11-20/6) dao động từ 13,2-32,3mm tại Quảng Nam và từ 20,8-25,5mm tại Đà Nẵng.

Tổng lượng mưa trong 10 ngày cuối tháng (21-30/6) dao động từ 21,1-140,9mm tại Quảng Nam và từ 22,9-37,8mm tại Đà Nẵng.

b. Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản:

Hiện nay, trên địa bàn 2 tỉnh/ thành phố Quảng Nam và Đà Nẵng đã hoàn thành việc gieo sạ, một số khu vực gieo sạ sớm cây lúa đang trong giai đoạn sinh trưởng.

c. Tình hình vận hành công trình thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi An Trạch đang vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

d. Hiện trạng các công trình ngăn mặn

Tại khu vực nghiên cứu có hệ thống các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít, Thanh Quýt và đập ngăn mặn Duy Thành đã được xây dựng kiên cố. Ngoài ra, trên sông Quảng Huế, năm 2021 đã tiến hành xây dựng 01 đập tạm dâng nước trên sông, tuy nhiên đập tạm đã bị xói lở nhiều sau trận mưa lũ lớn năm 2022 chưa được nâng cấp, sửa chữa. Hiện tại, trên nhánh sông Vĩnh Điện, công trình đập tạm ngăn mặn Tứ Câu đã hoàn thiện vào ngày 06/3/2024.

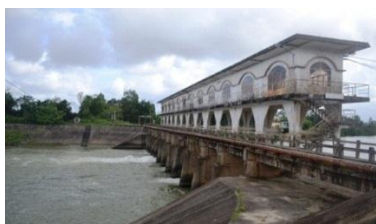
Bảng 10. Bảng thống kê các đập ngăn mặn

TT	Tên đập	Tọa độ		Vị trí	Hình thức	Quy mô
		X	Y			
1	An Trạch	15°57'19,5"N	108°09'16,6"E	Xã Hòa Tiến, Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	12 x (4,0 x 4,5)
2	Hà Thanh	15°57'10,2"N	108°11'48,4"E	Hòa Vang, ĐN	Đập dâng	7 x (2,35 x 1,85)
3	Bàu Nít	15°56'57,1"N	108°12'10"E	Xã Điện Hòa, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (4,2 x 3,8)
4	Thanh Quýt	15°54'58"N	108°13'01"E	Xã Điện Thắng Nam, Điện Bàn, QN	Đập dâng	6 x (3,8 x 2,5)
5	Duy Thành	15°49'54,5"N	108°19'45,8"E	Xã Duy Thành, Duy Xuyên, QN	Đập ngăn mặn	Dài 300m, gồm cửa van sập 4 x (20 x 4)m và 2 đập tràn BT
6	Quảng Huế	15°52'14,3"N	108°06'14,2"E	Xã Đại Cường, Đại Lộc, QN	Đập tạm	Dài 360m, cao TB 5m, rộng 7-8m
7	Tứ Câu	15°57'19,5"N	108°09'16,6"E	Xã Điện Ngọc, Điện Bàn, QN	Đập tạm	Dài 99,95m

(Nguồn: Nhóm thực hiện)

Một số hình ảnh các đập dâng, đập tạm ngăn mặn trên hệ thống Vu Gia - Thu Bồn

(Nguồn: nhóm thực hiện)



Hình 2. Đập dâng An Trạch



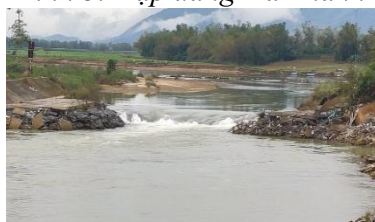
Hình 3. Đập dâng Hà Thanh



Hình 4. Đập dâng Thanh Quýt



Hình 5. Đập dâng Bàu Nít



Hình 6. Đập tạm Quảng Huế



Hình 7. Đập tạm Tứ Câu

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tháng 6/2024

2.1. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước trong tháng 6 căn cứ theo các cơ sở sau:

- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất năm 2024 cho lưu vực Vu Gia - Thu Bồn.
- Số liệu khí tượng, hải văn dự báo từ ngày 31/5 - 30/6 do Đài Khí tượng Thủy văn Trung Trung Bộ cung cấp.
- Số liệu lưu lượng xả của 06 thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn ban hành theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.
- Đã mô phỏng các công trình ngăn mặn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn như: đập ngăn mặn Duy Thành (trên sông Ly Ly), đập tạt Quảng Huế (trên sông Quảng Huế), đập tạt Tứ Câu (sông Vĩnh Điện).

Bảng 8. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính lưu vực VG-TB

TT	Trạm	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	Dự báo tình hình mưa tháng tới (mm)	So sánh lượng mưa tháng với cùng kỳ (+/-(%))	
				TBNN	2023
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trà My	686,4	286,10	140,92	94,44
2	Thành Mỹ	304,4	252,70	129,63	100,36
3	Nông Sơn	476,6	272,90	150,01	144,74
4	Ái Nghĩa	179,2	106,90	89,52	139,01
5	Giao Thủy	268,8	98,60	78,94	156,19
6	Khâm Đức	353,8	191,50	kss	149,03
7	Hội Khách	318,6	158,70	206,48	117,96
8	Hiên	562,0	235,60	kss	170,88
9	Câu Lâu	181,2	94,40	105,78	67,58
10	Hiệp Đức	359,4	164,50	173,81	80,73
11	Tiên Phước	483,8	240,80	kss	39,37
12	Tam Kỳ	401,6	252,90	272,54	7,28
13	Cẩm Lệ	70,8	135,50	158,79	81,77
14	Đà Nẵng	276,4	83,20	94,44	130,29
Tổng		4.923,0	2.574,3		

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

Nhận xét: Theo Đài KTTV Trung Trung Bộ, lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn đạt khoảng **4923,0mm**. Dự báo trong tháng 6/2023 tổng lượng mưa tại các trạm đo mưa dao động từ 83,2mm đến 286,1mm; tổng lượng mưa trên khu vực nghiên cứu dự kiến đạt khoảng 2.574,3mm.

2.3. Kết quả dự báo xâm nhập mặn tại 7 vị trí

Theo kết quả dự báo từ ngày 31/05- 30/06 độ mặn tại 07 vị trí cầu Thuận Phước (VT1), cầu Hòa Xuân (VT2), thượng lưu cầu Đò (VT3), trạm bơm Miếu Ông (VT4), trạm bơm Túy Loan (VT5), vòm Cẩm Đồng (VT9) và cầu Câu Lâu cũ (VT10) có xu hướng giảm so với tháng trước. Độ mặn dự báo tại các vị trí như sau:

- Tại VT1 (cầu Thuận Phước): độ mặn có xu hướng gia tăng từ ngày 31/5 - 08/06 sau đó giảm xuống đến ngày 14/6, từ ngày 15/6 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 23/6 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 15,5‰ đến 23,7‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 23,7 ‰ vào lúc 11h00ph ngày 23/06/2024.

- Tại VT2 (cầu Hòa Xuân): xu hướng biến đổi của độ mặn tương tự như tại vị trí cầu Thuận Phước. Giá trị độ mặn dự báo dao động từ 5,4‰ đến 16,3‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 16,3‰ vào lúc 12h00ph ngày 23/06/2024.

- Tại VT3 (thượng lưu NMN Cầu Đò): độ mặn có xu hướng giảm so với tháng 5 và tháng 4; nhiều thời điểm độ mặn vượt quá giới hạn cho phép. Giá trị độ mặn dao động từ 0,1‰ đến 5,7‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 5,7‰ vào lúc 11h00ph ngày 23/06/2024.

- Tại VT4 (trạm bơm Miếu Ông): độ mặn dao động từ 0,0‰ đến 1,6 ‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 1,6‰ vào lúc 13h00ph ngày 23/06/2024.

- Tại VT5 (trạm bơm Túy Loan): độ mặn dao động từ 0,2‰ đến 3,2‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 3,2‰ vào lúc 13h00ph ngày 23/06/2024.

- Tại VT6 (TB Tứ Cầu): độ mặn giữ nguyên ở mức 0,1‰.

- Tại VT9 (Vòm Cẩm Đồng): độ mặn có xu hướng gia tăng từ ngày 31/5 - 08/06 sau đó giảm xuống đến ngày 16/6, từ ngày 17/6 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 24/6 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng. Giá trị độ mặn dự báo có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, dao động từ 0,0‰ đến 0,3‰. Độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,3‰ vào lúc 12h00ph ngày

08/06/2024.

- Tại VT10 (cầu Cầu Lâu): xu hướng biến đổi của độ mặn tương tự như tại vị trí vòm Cẩm Đồng. Giá trị độ mặn dự báo có xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước, dao động từ 0‰ đến 3,7‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 3,7‰ vào lúc 11h00 ngày 08/06/2024.

2.4. Kết quả dự báo chất lượng nước tại 5 vị trí

Theo kết quả dự báo từ ngày 31/05- 30/06, chất lượng nước tại 05 vị trí có biến động nhẹ, tại một số thời điểm chỉ tiêu DO tại các vị trí VT1, VT5, VT6, VT7 có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5\text{mg/L}$), chỉ tiêu BOD_5 (tại vị trí VT6) có hàm lượng vượt giới hạn cho phép ($\text{GH} \leq 6\text{mg/L}$), các chỉ tiêu còn lại dự báo đều nằm trong giới hạn cho phép. Hàm lượng của một số chỉ tiêu chất lượng nước được dự báo như sau:

- Tại VT1 (Cầu Thuận Phước): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,1-5,8 mg/l, chỉ tiêu BOD_5 dao động từ 3,4 - 5,2mg/l, chỉ tiêu $\text{NH}_4^+\text{-N}$ dao động từ 0,401- 0,596mg/l, chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ dao động từ 4,347- 5,932mg/l.

- Tại VT5 (TB Tuý Loan): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,2-6,0mg/l, chỉ tiêu BOD_5 dao động từ 3,9-5,0mg/L, chỉ tiêu $\text{NH}_4^+\text{-N}$ dao động từ 0,423- 0,598mg/l, chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ dao động từ 4,459- 5,932mg/l.

- Tại VT6 (TB Tứ Cầu): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,0-5,9 mg/l, chỉ tiêu BOD_5 dao động từ 4,8-7,2mg/L, chỉ tiêu $\text{NH}_4^+\text{-N}$ dao động từ 0,457- 0,693mg/l, chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ dao động từ 4,365- 5,965mg/l.

- Tại VT7 (TB Bích Bắc): Chỉ tiêu DO dao động từ 4,7-6,5mg/l, chỉ tiêu BOD_5 dao động từ 3,5-4,8mg/L, chỉ tiêu $\text{NH}_4^+\text{-N}$ dao động từ 0,476 - 0,587mg/l, chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ dao động từ 4,530- 5,941mg/l.

- Tại VT8 (TB Đông Quang): Chỉ tiêu DO dao động từ 5,0-6,3mg/l, chỉ tiêu BOD_5 dao động từ 3,8-5,4mg/L, chỉ tiêu $\text{NH}_4^+\text{-N}$ dao động từ 0,451-0,584mg/l, chỉ tiêu $\text{NO}_3^-\text{-N}$ dao động từ 4,534-5,697mg/l.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Theo kết quả tính toán dự báo trong tháng 6/2024, các chỉ tiêu chất lượng nước tại các điểm quan trắc cơ bản đảm bảo giới hạn quy định, tuy nhiên tại một số thời điểm chỉ tiêu DO tại các vị trí VT1, VT5, VT6, VT7 có hàm lượng chưa đảm bảo giới hạn cho phép ($\text{GH} \geq 5\text{mg/L}$), chỉ tiêu BOD_5 , COD, PO_4^{3-} (tại vị trí VT6) có hàm lượng vượt giới hạn cho phép ($\text{GH} \leq 6\text{mg/L}$).

Đối với chỉ tiêu độ mặn:

- Trên nhánh sông Vu Gia, độ mặn có xu hướng gia tăng trong khoảng thời gian từ ngày 31/5 - 08/06 sau đó giảm xuống đến ngày 14/6, từ ngày 15/6 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 23/6 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng; giá trị độ mặn lớn nhất dự báo xuất hiện vào ngày 23/6.

- Trên nhánh sông Thu Bồn, độ mặn có xu hướng gia tăng từ ngày 31/5 - 08/06 sau đó giảm xuống đến ngày 16/6, từ ngày 17/6 độ mặn tiếp tục tăng, đến ngày 24/6 độ mặn có xu hướng giảm đến cuối tháng; giá trị độ mặn lớn nhất dự báo xuất hiện vào ngày 08/6.

Trong tháng 6/2024 lượng mưa gia tăng hơn, lưu lượng và mực nước tại các sông có xu hướng cao hơn so với tháng trước. Để đảm bảo cho quá trình vận hành hệ thống cấp nước được an toàn, trong quá trình vận hành hệ thống An Trạch các đơn vị liên quan cần chú ý:

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng*: cần quan tâm chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Công ty Khai thác thủy lợi tiếp tục theo dõi thông tin dự báo khí tượng, thủy văn và diễn biến xâm nhập mặn, chất lượng nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả cấp nước cho cây trồng vụ Hè Thu.

+ Đối với đập tạm trên sông Quảng Huế: hiện 2 tỉnh/thành phố đã thống nhất phương án triển khai gia cố đập tạm trên sông Quảng Huế nhằm gia tăng lượng nước về sông Vu Gia, đảm bảo nguồn nước cấp cho khu vực hạ du thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Ngày

24/5/2024, UBND tỉnh Quảng Nam đã có công văn giao Sở TNMT và UBND huyện Đại Lộc phối hợp với Công ty CP cấp nước Đà Nẵng và các ngành, cơ quan liên quan của thành phố cung cấp thông tin, phương án, kế hoạch triển khai thực hiện đập đập tạm, tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn tạo sự đồng thuận để Công ty CP cấp nước Đà Nẵng triển khai đập đập tạm.

+ Đối với hệ thống đập dâng An Trạch: sớm có phương án sửa chữa, nâng cấp hệ thống đập dâng An Trạch để đảm bảo cấp nước an toàn trong mùa kiệt năm 2024.

- Công ty TNHH MTV KTTL thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam:

Quản lý chặt chẽ nguồn nước và đảm bảo tưới cho các diện tích trong hệ thống; chỉ đạo các đơn vị theo dõi diễn biến mực nước, bám sát lịch thủy triều, lịch vận hành xả nước của các nhà máy thủy điện cũng như diễn biến xâm nhập mặn để đưa ra phương án vận hành nhằm đảm bảo cấp nước an toàn cho vụ Hè Thu. Thực hiện vận hành các đập dâng An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít và Thanh Quýt theo quy định tại khoản 1, Điều 26 của QTVH 1865/2019/QĐ-TTg để đảm bảo mực nước yêu cầu tại các trạm bơm trên hệ thống. Bên cạnh đó, các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức hợp tác dùng nước tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, điều tiết dẫn nước trên hệ thống kênh tưới nhằm cấp nước kịp thời phục vụ sản xuất.

- Nhà máy nước Cầu Đỏ: Theo kết quả dự báo độ mặn tại vị trí Cầu Đỏ trong tháng 6 có khả năng dao động từ 0,1‰ đến 5,7‰, nhiều thời điểm vượt quá 1,0‰ (1000mg/l), do đó khuyến cáo Nhà máy nước Cầu Đỏ cần theo dõi diễn biến độ mặn tại vị trí này để có phương án vận hành khai thác theo quy định tại Mục a, b, c Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg nhằm đảm bảo cấp nước an toàn. Những thời điểm độ mặn nằm trong khoảng 200÷1000mg/l (0,2‰ ÷ 1,0‰) phải điều chỉnh giảm lưu lượng lấy qua cửa lấy nước của nhà máy và thực hiện lấy nước sông Vu Gia tối đa có thể từ trạm bơm nước tại đập dâng An Trạch; khi độ mặn nước sông Vu Gia tại cửa lấy nước của NMN Cầu Đỏ lớn hơn 1000mg/l thì phải đóng kín cửa nhà máy và thực hiện việc bơm nước sông Vu Gia tối đa từ trạm bơm tại đập dâng An Trạch. Đồng thời, NMN Cầu Đỏ cần chủ động xây dựng các phương án vận hành hợp lý để đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện mực nước tại thượng lưu đập An Trạch hạ thấp và trạm bơm phòng mặn An Trạch không hoạt động được.

- Đối với các nhà máy thủy điện: Các chủ hồ vận hành các hồ tuân theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác phòng chống hạn hán xâm nhập mặn vùng hạ du. Trong quá trình vận hành cần có sự phối hợp vận hành giữa các nhà máy thủy điện có liên quan để đưa mực nước về Phụ lục III trong QTVH 1865/2019/QĐ-TTg.

- Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật, thông tin thường xuyên về tình hình xâm nhập mặn để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn thực hiện các biện pháp giảm mặn, tưới tiết kiệm để giảm thiểu thiệt hại do mặn gây ra.

Chúng tôi sẽ tiếp tục quan trắc và đưa ra những khuyến cáo kịp thời nhằm có phương án ứng phó trong trường hợp xấu.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2024

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VIỆN TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn